

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG H2XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2021/HS-PT  
Ngày: 18/5/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hùng;

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Bùi Xuân Trọng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 544/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HSST ngày 17/6/2020 của TAND tỉnh Nam Định.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Vũ Đức T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1983, tại T phố Tam Đ, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 1260, tổ 9, phường Nam S, T phố Tam Đ, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Họ tên cha: Vũ Công K, sinh năm 1950; Họ tên mẹ: Mai Thị L, sinh năm 1958; vợ: Vũ Thị A (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/7/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Tam Đ (nay là T phố Tam Đ), tỉnh Ninh Bình xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương ngày 30/01/2016. Bị cáo bị bắt quả tang hồi 19h40’ ngày 14/01/2020 và bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 15/01/2020. Có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Ngô Văn Q, Văn phòng luật sư Thiên P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định (Vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h40' ngày 14/01/2020, tổ công tác của Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an T phố Nam Đ1 phối hợp với Công an phường Lộc V , T phố Nam Đ1 làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa số nhà 81, đường Trần Thái T1, phường Lộc V , T phố Nam Đ1 đã phát hiện có hai nam thanh niên đang đứng gần xe ô tô (biển kiểm soát 35A-122.77) và một nam thanh niên đang ngồi trên ghế lái xe ô tô nêu trên có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã mời người làm chứng và tiến hành kiểm tra hai thanh niên đang đứng gần xe ô tô đã khai tên là Vũ Đức T, sinh năm 1983, trú tại số nhà 1260, tổ 9, phường Nam S, T phố Tam Đ, tỉnh Ninh Bình và Lê Hữu N1, sinh năm 1991 tại thôn 4B, xã Đông S1, T phố Tam Đ, tỉnh Ninh Bình. Người thanh niên ngồi trên ghế lái xe ô tô là Nguyễn Minh T2, sinh năm 1984, trú tại số nhà 3, tổ 4, phường Tây S2, T phố Tam Đ, tỉnh Ninh Bình. Quá trình kiểm tra, Vũ Đức T đã tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 hộp bìa catton hình hộp chữ nhật, có kích thước 10x15x20(cm), tổ công tác đã thu giữ và mở kiểm tra bên trong hộp bìa catton do T giao nộp thì thấy bên trong hộp có:

- 01 (một) hình khối chữ nhật kích thước khoảng 3x10x16 (cm) được quấn, gói bằng nhiều lớp băng dính, nylon, giấy nền các màu đen, đỏ, trắng, xanh, vàng, bên trong cùng là chất bột dạng cục màu trắng. Vũ Đức T khai đó là 01 bánh Herroine, T mang đi bán cho khách. Tổ công tác đã thu giữ và niêm phong ký hiệu M1.

- 01 (một) hình khối chữ nhật kích thước 6x15x15(cm) được gói bằng nhiều lớp nylon các màu đen, trắng, vàng, bên trong cùng là chất rắn dạng tinh thể màu trắng. T khai đó là loại ma túy đá mang đi bán. Tổ công tác đã thu giữ và niêm phong ký hiệu M2.

Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bạc đã cũ, có số sim thuê bao 0961170000 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, vàng đã cũ, có số sim thuê bao 0949151198. Thu, tạm giữ của Lê Hữu N1 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ, mặt sau bị rạn nứt có 02 số sim thuê bao 0969982555, 0978536135 và 01 điện thoại di động màu trắng hồng đã cũ, mặt sau có chữ Iphone có số sim thuê bao 0366833098. Thu, tạm giữ của Nguyễn Minh T2 01 điện thoại di động màu vàng, mặt sau có chữ Iphone có 02 số sim thuê bao 0966154123, 0972417184 và xe ô tô (biển kiểm soát 35A.122.77).

Sau đó, tổ công tác đã đưa T, N1, T2 và mời người làm chứng về trụ sở Công an T phố Nam Đ1 để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vũ Đức T, Lê Hữu N1, Nguyễn Minh T2 (BL 13-16) và lập biên bản niêm phong vật chứng thu giữ (ký hiệu M1, M2), (BL 18).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T không thu giữ gì (BL 30, 31).

Tại bản kết luận giám định số 87/GĐKTHS ngày 16/01/2020 của Phòng

kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận:

- Mẫu chất bột dạng cục màu trắng trong (01) một khối hình hộp chữ nhật kích thước khoảng 3x10x16 (cm) được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Khối lượng mẫu M1: 352,890 gam (BL 26);

- Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong (01) một khối hình hộp chữ nhật kích thước khoảng 6x15x15 (cm) được niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng mẫu M2: 986,400 gam (BL 26).

Tại Cơ quan CSĐT bị cáo Vũ Đức T khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau: Khoảng 21h ngày 12/01/2020, T đang ở nhà tại T phố Tam Định, tỉnh Ninh Bình thì có người đàn ông tên là H2 ở số nhà 81, ngõ 75, đường Trần Thái Tông, T phố Nam Định, tỉnh Nam Định là người mà T quen biết khoảng một tháng trước ngày bị bắt có gọi điện thoại cho T để hỏi mua 200 triệu đồng tiền Heroine, 240 triệu đồng tiền ma túy đá và hẹn T mang ma túy đến đường Trần Thái Tông, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để giao dịch. T đồng ý và hẹn khi nào chuẩn bị được ma túy thì sẽ mang sang thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để bán cho H2. Sau đó, T điện thoại cho người quen biết tên là T ở thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nhưng không biết cụ thể tên, tuổi địa chỉ của T, không nhớ số điện thoại) để bảo T là có khách hỏi mua 200 triệu đồng tiền Heroine và 240 triệu đồng tiền ma túy đá. T đồng ý và bảo T đợi khi nào thu xếp xong thì gọi lại cho T và hai bên thống nhất khi nào T bán xong ma túy thì sẽ trả cho T 420 triệu đồng, T sẽ được hưởng tiền công là 20 triệu đồng (BL 183). Khoảng 19 giờ ngày 13/01/2020, T gọi điện cho T để thông báo là đã có ma túy và hẹn T vào thị xã H2ng M, tỉnh Nghệ An để nhận ma túy. T đi xe taxi vào, khi đến nơi thì T gọi điện thoại cho T và được hướng dẫn đến lấy ma túy được cất giấu tại cột mốc km (cột mốc cây số) cách thị xã H2ng M khoảng 05km theo hướng từ thị xã H2ng M ra Thanh Hóa. T đi đến cột mốc cây số theo chỉ dẫn của và lấy được túi nylon màu đen đựng ma túy ở phía sau cột cây số, T biết rõ bên trong túi nylon màu đen là ma túy mà T đã để ở đó nên đã mang túi nylon đựng ma túy lên xe taxi và đi về nhà. Khi về đến nhà, T lấy toàn bộ số Heroine và ma túy đá cho vào chiếc hộp bìa carton có kích thước 10x15x20 (cm) cất giấu. Sau đó, T gọi điện cho H2 để thông báo là đã có ma túy, H2 hẹn hôm sau (ngày 14/01/2020) mang ra T phố Nam Định, tỉnh Nam Định để giao cho H2 (BL 166-183, 186-189; 190, 193-196).

Khoảng 18h ngày 14/01/2020, T ở nhà gọi điện cho bạn là anh Nguyễn Minh T2 làm nghề lái xe taxi của hãng Hương S4 để thuê anh T2 chở T ra T phố Nam Định. Ngay sau đó T gọi điện cho anh Lê Hữu N1 là bạn xã hội bảo anh N1 đến nhà T cùng đi Nam Định để chơi với T. T khai khi bảo anh T2 chở đi thành phố Nam Định và rủ anh N1 đi cùng thì T không nói cho hai người này biết việc T mang ma túy đi sang thành phố Nam Định để bán. Sau đó anh N1 đến nhà T trước, một lát sau anh T2 lái xe ô tô taxi (biển kiểm soát 35A-122.77) đến nhà T. Khi anh T2 đến thì N1 ra xe ô tô ngồi trên ghế phụ, còn T mang chiếc hộp carton đựng ma túy đi ra phía sau để và ngồi ở hàng ghế phía sau. Khi

cả ba đi đến trước số nhà 81, đường Trần Thái T1, phường Lộc V , T phố Nam Đ1 thì T xuống khỏi xe và đứng gần ô tô; còn anh T2 và anh N1 vẫn ngồi trên xe; hộp bìa catton đựng ma túy T vẫn để ở ghế xe ô tô phía sau. Sau đó, T gọi điện thoại cho anh T2 nhờ anh T2 bảo anh N1 cầm hộp T hộp bìa catton xuống cho T . Khi anh N1 cầm hộp bìa catton xuống xe đưa cho T thì ngay lúc đó bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và T đã tự giác giao nộp hộp bìa catton đựng ma túy đó cho lực lượng Công an (BL 166-183, 186-189).

Vũ Đức T còn khai, ngoài lần bán ma túy cho H2 bị bắt quả tang vào ngày 14/01/2020, thì trước đó khoảng từ 15 đến 20 ngày T đã từng bán ma túy đá cho H2 với số lượng khoảng từ 40 đến 50 triệu đồng và cũng lấy ma túy của T để bán cho H2, sau khi bán ma túy cho H2 xong thì được T trả công cho T 05 triệu đồng (BL 182, 183, 188, 189; 195).

Khi vụ án chuẩn bị kết thúc điều tra thì bị cáo Vũ Đức T vẫn khai nhận diễn biến của quá trình mua ma túy của đối tượng T ở Thanh Hoá và mang ma túy từ T phố Tam Đ, tỉnh Ninh Bình ra T phố Nam Định, tỉnh Nam Đ1 đến khi bị bắt quả tang như nêu trên, bị cáo T vẫn thừa nhận anh N1, T2 có đi cùng nhưng không biết bị cáo mang theo ma túy. Bị cáo phủ nhận lời khai trước đó về mục đích mang ma túy là để bán cho H2 và cũng phủ nhận lời khai đã bán ma túy cho H2 một lần trước đó vào khoảng thời gian cách ngày bị bắt từ 15 đến 20 ngày (BL 199, 201, 202; 205-211; 215-218). Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu điều tra thì thấy lời khai ban đầu của bị cáo khi mới bị bắt, bị khởi tố, bị tạm giam về mục đích mang ma túy từ T phố Tam Đ tỉnh Ninh Bình ra T phố Nam Định, tỉnh Nam Đ1 để bán là khách quan và căn cứ vào các tài liệu điều tra thì đã có đủ căn cứ để xác định bị cáo Vũ Đức T đã thực hiện hành vi mang ma túy đi bán, nhưng chưa kịp bán thì đã bị bắt quả tang.

Đối với các đối tượng được T rủ đi Nam Đ1 chơi, như Lê Hữu N1, Nguyễn Minh T2 thì kết quả điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Nam Đ2, tỉnh Nam Đ1 đã xác định anh Nguyễn Minh T2 và anh Lê Hữu N1 không hề biết và không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Vũ Đức T, nên ngày 15/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Nam Đ2, tỉnh Nam Đ1 đã ra các Quyết định trả tự do cho anh Nguyễn Minh T2 và anh Lê Hữu N1 (BL 71, 52).

Đối với đối tượng tên là T là người đã bán ma túy cho bị cáo Vũ Đức T, bản thân bị cáo khai không biết rõ tên, địa chỉ của T mà chỉ biết chung chung là ở Thanh H2. Mặt khác bị cáo khai báo việc giao dịch mua ma túy của T vào ngày 13/01/2020 với tổng số tiền là 440.000.000 đồng lúc thì bị cáo khai là giao tiền cho T (BL 210), có khi lại khai tự chuyển tiền vào tài khoản cho T (BL 205), sau lại thay đổi là nhờ em trai là Vũ Đức L5 (BL 216, 217) và lần cuối cùng khai là nhờ em ngoài xã hội tên là Trọng, chỉ biết nhà ở gần Bệnh viện 700 giường thuộc thành phố Ninh B2, tỉnh Ninh Bình (BL 229-231) chuyển tiền hộ vào tài khoản của T, nhưng không nhớ tài khoản của T. Do vậy, Cơ quan CSĐT không thể xác minh để xác định lời khai của bị cáo về đối tượng tên là T để xử lý trong vụ án này cũng như sự liên quan của Vũ Đức L5, của đối tượng tên là T

nên tách ra, tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với đối tượng tên là H2, người mà bị cáo T khai bán ma túy cho H202 lần, sau thay đổi lời khai là chỉ ra nhà H2 chơi và mang ma túy theo để sử dụng. Cơ quan CSĐT đã xác minh tại số nhà 81, ngõ 75, đường Trần Thái T1, phường Lộc V, T phố Nam Định, tỉnh Nam Đ1 không có ai tên là H2 đăng ký cư trú và sinh sống tại số nhà trên (BL 159). Người đăng ký và sinh sống tại số nhà 81, ngõ 75, đường Trần Thái T1, phường Lộc V, T phố Nam Định, tỉnh Nam Đ1 là bà Trần Thị C1, sinh năm 1928, bà C1 khai bà sinh sống tại ngôi nhà trên từ nhỏ, hiện tại bà đang sống một mình, không cho ai thuê, mượn (BL 111, 112).

Tại Bản kết luận giám định số 1262/C09-P6 ngày 24/3/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Trong danh bạ và nhật ký điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo T có thông tin về số máy điện thoại 0358797015 được ghi là “Chú H2nd” (BL 99-105), theo lời khai của bị cáo thì đây là thông tin người đàn ông tên là H2 mà bị cáo khai đã giao dịch để bán ma túy. Xác minh số điện thoại 358797015 và nhân thân người sử dụng số điện thoại trên đã xác định tại số nhà 13/75, đường Trần Thái T1, phường Lộc V, T phố Nam Định, tỉnh Nam Đ1 có người tên là Trần Khắc H2, sinh năm 1959 đăng ký hộ khẩu tại số nhà trên nhưng hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ (BL 113-115; 118-120). Do vậy, Cơ quan CSĐT chưa xác minh để làm rõ hành vi có liên quan của đối tượng tên H2 để xử lý trong vụ án này nên tách ra, tiếp tục điều tra xử lý sau.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HSST ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Đ1 đã quyết định:***

Tuyên bố Vũ Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; Điều 40; Khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017; Điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức T: Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án;

Ngoài ra, bản án còn quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 17/6/2020, bị cáo Vũ Đức T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên đầu diễn ra phiên tòa bị cáo Vũ Đức T trình bày: Mặc dù tại phiên tòa hôm nay vắng mặt luật sư (luật sư xin hoãn phiên tòa), nhưng bị cáo đề N1 Hội đồng xét xử cứ xử bình thường, không cần phải hoãn phiên tòa, bởi: Hành vi phạm tội của bị cáo đã quá rõ ràng và tại phiên tòa sơ thẩm thì chính luật sư Q người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng chỉ xin khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo, chứ không có ý kiến gì khác về tội danh và tại phiên

tòa hôm nay, bị cáo cũng chỉ xin khoan hồng giảm nhẹ, chứ bị cáo không thắc mắc, khiếu nại gì khác.

Tại phần nội dung của phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Vũ Đức T tiếp tục T khản khai báo, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết về hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không có ý kiến gì khác ngoài nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có cơ hội được sống.

- Đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

*Về tố tụng:* Do bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ và tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ và đề N1 Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử bình thường, không vì vắng người bào chữa cho bị cáo mà hoãn phiên tòa, bị cáo nhiều lần đề N1 không hoãn phiên tòa. Đối với người bào chữa cho bị cáo thì tuy vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng xét tại phiên tòa sơ thẩm chính luật sư Q cũng chỉ đề N1 khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo mà thôi. Vì vậy, đề N1 Hội đồng xét xử chấp nhận đề N1 của bị cáo để tiến hành xét xử bình thường, vì theo bị cáo không cần thiết phải có luật sư, mà bị cáo tự bào chữa lấy vì tội trạng của bị cáo rõ ràng rồi.

*Về nội dung, Viện Kiểm sát cấp phúc thẩm, thấy:* Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ về hành vi phạm tội, cũng như về nhân thân con người bị cáo và đã quyết định xử phạt bị cáo mức hình phạt tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, đề N1 Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tử hình của bị cáo Vũ Đức T, để giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt tử hình đối với bị cáo T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và những người tiến hành tố tụng là Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán đã thực hiện đúng như quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp lệ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, thì mặc dù vắng mặt luật sư Nguyễn Văn Q người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định. Nhưng bị cáo Vũ Đức T lại đề N1 không hoãn phiên tòa mà xét xử bình thường, vì tội trạng của bị cáo đã rõ ràng, nội dung đơn kháng cáo của bị cáo cũng chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và trước đó tại phiên tòa sơ thẩm thì chính luật sư Ngô Văn Q (người bào chữa cho bị cáo) cũng chỉ xin khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo mà không có ý kiến thắc

mắc gì khác về tội danh, hành vi phạm tội của bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo đề N1 không cần thiết phải có luật sư mà bị cáo tự bào chữa lấy vì hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng, bị bắt quả tang, nên không cần phải hoãn phiên tòa để có mặt luật sư. Còn đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm thì đề N1 Hội đồng xét xử chấp nhận đề N1 của bị cáo là không cần phải có mặt luật sư mà tiến hành xét xử bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử bình thường vụ án theo trình tự phúc thẩm, mặc dù vắng mặt người bào chữa như đề N1 của bị cáo và đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và áp dụng pháp luật: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Vũ Đức T đều thừa nhận đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy đúng như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng chỉ kháng cáo xin khoan hồng giảm nhẹ và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục T khẩn nhận tội và cũng chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt tử hình. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy: Do khối lượng ma túy mà bị cáo tham gia mua bán là rất lớn (352,890 gam Heroin và 986,400 gam Methamphetamine), trong khi bị cáo đã từng bị kết án cùng loại tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị xử phạt 07 năm tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tránh xa con đường phạm tội, mà lại vẫn coi thường pháp luật, nên đã tiếp tục phạm tội và phạm tội lần sau lại đặc biệt nghiêm trọng hơn phạm tội lần trước, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lại là đối tượng nghiện ma túy; đáng chú ý là bị cáo T đã thiết lập được một đường dây mua bán ma túy khép kín với một số đối tượng ở các tỉnh xa nơi cư trú của bị cáo như có người ở tỉnh Thanh Hóa và có người ở tỉnh Nghệ An và nếu như vụ án này chưa bị phát hiện kịp thời thì chắc chắn bị cáo T sẽ tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hậu quả gây ra cho xã hội sẽ là khôn lường; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đã áp dụng pháp luật để xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất (tử hình) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, còn đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội thì đề N1 Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tử hình của bị cáo, để giữ nguyên quyết định tử hình đối với bị cáo như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần thiết phải giữ nguyên quyết định về hình phạt tử hình đối với bị cáo Vũ Đức T như quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xét xử sơ thẩm, có như vậy thì mới phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật và mới đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung, khi mà loại tội phạm về ma túy còn là điều nhức nhối của xã hội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng N1 đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng N1. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ, nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tử hình của bị cáo Vũ Đức T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2020/HSST ngày 17-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về phần hình phạt tử hình đối với bị cáo Vũ Đức T.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; Điều 40; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Vũ Đức T: Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng N1 đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng N1.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm thì bị cáo có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt nam để xin ân giảm án tử hình.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND tối cao (Vụ 1);
- Viện Kiểm sát ND tối cao (Vụ 7);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu: hồ sơ, VT, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hùng**